

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2024
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

ĐKKH: Thôn T1, xã Q, thị xã K, tỉnh H.

Trú tại: Xóm 4, xã B, huyện Y, tỉnh A

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986

ĐKKH và trú tại: Thôn T1, xã Q, thị xã K, tỉnh H.

(T vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt, T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T3 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q1, huyện K, tỉnh H (nay là xã Q, thị xã K) vào ngày 11/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do T3

thường đánh đập, chửi bới, xúc phạm chí, bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra khiến chị bị ảnh hưởng về thể chất và tinh thần. Do không tiếp tục chung sống cùng T3, tháng 11/2023 T đã phải chuyển ra ngoài sinh sống. Trong khoảng thời gian chị chuyển ra ngoài ở, T3 thường tìm đến đánh và đe dọa, làm cho chị phải chuyển chỗ ở, chỗ làm việc. Nay T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và T3 không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với T3.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị và T3 có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C, sinh ngày 13/04/2018 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 09/7/2020. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với T3. Do T3 đánh và đe dọa chị nên chị không đón và nuôi dưỡng được con chung. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng một con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T3 trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn như T trình bày. T3 xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cãi nhau, đôi lúc anh nóng giận dẫn đến có xảy ra xô xát. Đến tháng 11/2023, T đã bỏ ra ngoài ở, chấm dứt về mặt tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng T không về chung sống cùng anh. Nay T xin ly hôn với anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với T.

- Về nuôi dưỡng con chung: T3 xác định vợ chồng có hai con chung như T trình bày. Hiện cả hai con chung đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, T3 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về công việc của anh đang làm là công nhân, thu nhập bình quân là 20-25 triệu đồng/tháng nên anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về điều kiện nuôi dưỡng con chung, cụ thể như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 01/02/2024, UBND xã Q cung cấp: T, T3 kết hôn với nhau tại UBND xã Q, thị xã K, tỉnh H vào ngày 11/11/2016. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn, hiện T không chung sống cùng T3. Nay T xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại đơn đề nghị của bà Trần Thị Châu (*mẹ đẻ T*) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, theo bà được biết nguyên nhân mâu

thuần vợ chồng giữa T, T3 là do T3 đánh đập T dẫn đến T không tiếp tục chung sống cùng T3. Nay T xin ly hôn với T3 và có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với T3, yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung, T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Bị đơn T3 có mặt, trong quá trình xét xử T3 tự ý bỏ ra về.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án là không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguyên đơn **T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa T, T3 đã xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn T3 cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và T không còn và đồng ý ly hôn.** Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của T, xử cho T được ly hôn với T3 là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: T3 xin được nuôi dưỡng cả hai con chung; T xin được nuôi dưỡng một con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C, sinh ngày 13/04/2018. T cung cấp về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, khi ly hôn giao cho T3 được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đối với cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 09/7/2020, giao cho T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Nguyễn Thị Thảo C. T, T3 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Về án phí: T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T3 cư trú tại xã Q, thị xã K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, T3 có mặt. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt T là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: T, T3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q1, huyện K, tỉnh H (nay là xã Q, thị xã K) vào ngày 11/11/2016 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy về thời gian T, T3 mâu thuẫn, mỗi người một nơi chấm dứt với nhau về quan hệ tình cảm, là phù hợp với kết quả xác minh thu thập chứng cứ và cũng như tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng T, T3 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng giữa T, T3 kéo dài từ nhiều tháng nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn điều đó thể hiện: mâu thuẫn vợ chồng giữa T và T3 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của T, xử cho T được ly hôn T3 là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: T và T3 có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C, sinh ngày 13/04/2018 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 09/7/2020. Khi ly hôn, T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C. T3 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng cả hai con chung của T3 thì thấy: Cả hai con chung hiện đang ở cùng với T3, quá trình giải quyết vụ án T3 không cung cấp tài liệu chứng cứ về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, tài liệu chứng cứ thể hiện T3 có hành vi ngăn cản T trong việc thăm nom, nuôi dưỡng con chung. Đối với yêu cầu của T xin được nuôi dưỡng một con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C thì thấy: Cháu Chi là con gái, T đã cung cấp về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, cần thiết giao cho T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C, giao cho T3 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức P là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: T và T3 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ:** điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T3.

- *Về nuôi dưỡng con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Thảo C, sinh ngày 13/4/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn T3 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 09/7/2020. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung **kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi**. T, T3 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002475 ngày 22/01/2024. T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã K;
- Chi cục thi hành án DS thị xã K;
- UBND xã Q, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh